TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 41 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2019
V/v " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nhạn
2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:
Ông Nguyễn Văn Bằng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2445/2018/ TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018, về việc : "Ly hôn" Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/ QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Thương L**, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Cư trú: 120 Bùi Văn H, tổ 1, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. Bị đơn: **Ông Trần Thanh S,** sinh năm 1970 (vắng mặt)
Cư trú: 120 Bùi Văn H, tổ 1, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thương L trình bày:

Bà và ông S xây dựng gia đình chung sống vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 25/5/2015 tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên gây gỗ có những lời lẽ xúc phạm với nhau, ông S cứ uống rượu say về có thái độ hung dữ hăm dọa nên bà rất sợ, tình cảm vợ chồng

ngày lạnh nhạt dần dần không còn tình cảm yêu thương. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông S.

Về con chung: có 02 cháu: Trần Công N, sinh ngày 06/10/1997; Trần Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/12/2004. Nếu ly hôn bà xin được nuôi dưỡng cháu Hoàng A, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Đối với cháu N đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu xem xét, tùy cháu sống với ai cũng được. .

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Theo bản tự khai ngày 27/12/2018 của ông Trần Thanh S trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà L do vợ ông không tôn trọng ông khi đưa đơn ly hôn, vì gia đình việc học các con và luật hôn nhân công giáo. Ngoài ra không ý kiến trình bày gì thêm.

**** Đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định. Các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy: ông S trình bày do bà L không tôn trọng ông khi đưa đơn ly hôn, vì gia đình việc học các con và luật hôn nhân công giáo nên ông không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án mời hòa giải ông không tham dự xin vắng mặt chưa thể hiện thiện chí để vợ chồng có điều kiện hàn gắn của ông S, ông bỏ mặc tình trạng hôn nhân trên nên có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc gia đình; Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 cháu Trần Công N, sinh ngày 06/10/1997; Trần Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/12/2004. Qua tham khảo ý kiến của cháu Hoàng A có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho bà L nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không xem xét, tùy cháu sống với ai cũng được.

Về tài sản chung: bà L trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có; Do ông S chưa có ý kiến trình bày về phần tài sản chung, nợ chung nên giải quyết vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thương L xin ly hôn và ông Trần Thanh S, cả hai đều cư trú thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Ông Trần Thanh S đã được Tòa án tống đạt triệu tập, niêm yết nhiều lần để công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị Thương L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông S chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 25/5/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên căn cứ Điều 8,9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên gây gỗ có những lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, ông S khi uống rượu say về có thái độ hung dữ hăm dọa nên làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà L, từ đó tình cảm vợ chồng ngày lạnh nhạt dần dần không còn tình cảm yêu thương nhau. Về phía ông S trình bày do vợ ông không tôn trọng ông khi đưa đơn ly hôn, vì gia đình việc học các con và luật hôn nhân công giáo nên không đồng ý ly hôn, nhưng ông S không có biện pháp gì khi bà L xin ly hôn để cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu ông S quan tâm đến hạnh phúc gia đình khi Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông S phải tạo điều kiện để Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông hàn gắn nhưng ông S vắng mặt không tham hòa giải bỏ mặc tình trạng hôn nhân trên là chưa thể hiện thiện chí để vợ chồng có điều kiện hàn gắn của ông S; Do đó, kéo dài tình trạng mâu thuẫn cũng không thể đem đến hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L cho bà L được ly hôn với ông S để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Có 02 cháu Trần Công N, sinh ngày 06/10/1997; Trần Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/12/2004. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoàng A và qua tham khảo ý kiến cháu Hoàng A có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật, bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không xem xét, tùy cháu sống với ai cũng được.

Ông S được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà L trình bày để tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến trình bày của ông S về tài sản và nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí ly hôn sơ thẩm: bà L nộp 300.000đ

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51,53,56,58,81,82,83,84, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thương L;

Bà Nguyễn Thị Thương L được ly hôn với ông Trần Thanh S.

Về con chung: Giao cháu**:** Trần Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/12/2004 cho bà Nguyễn Thị Thương L chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Thanh S không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không xem xét. Ông S được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thương L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 009836 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bà Nguyễn Thị Thương L, ông Trần Thanh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật./-

Nơi nhận:
- VKS-ND thành phố B
- THA-DS thành phố B
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Chi